ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 98 /2026/QĐ-UBND	*Vĩnh Long, ngày 23 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Nhà ở số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình, cá nhân thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công;

b) Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành nhà ở xã hội thuộc tài sản công.

Điều 2. Giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công

Giá thuê, giá thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Tiếp nhận, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc về giá thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công chưa được cải tạo, xây dựng, báo cáo đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà (đơn vị quản lý, vận hành nhà ở xã hội thuộc tài sản công): báo cáo đột xuất hoặc định kỳ hằng năm theo yêu cầu của Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã về các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

3. Hộ gia đình, cá nhân thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công: có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, thuê mua đúng hạn, sử dụng đúng mục đích để ở.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày *03* tháng *10* năm 2026.

2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt giá cho thuê, thuê mua chung cư lô 4, đường Phạm Thái Bường, phường 4, thị xã Vĩnh Long;

b) Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt giá cho thuê, thuê mua nhà ở Khu chung cư 4 tầng, khóm 5, phường 8, thành phố Vĩnh Long;

c) Quyết định số 2740/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt giá cho thuê, thuê mua, giá dịch vụ nhà chung cư của Dự án nhà ở xã hội khóm 2, phường 8, thành phố Vĩnh Long.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Trung tâm Quản lý và Phát triển nhà; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như khoản 3 Điều 4;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Xây dựng (tự kiểm tra);
- Trung tâm Thông tin điều hành (đăng Cổng TTĐT);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Các Phòng: KTN, TH;
- Lưu: VT, 120.KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Chính

Phụ lục I

GIÁ THUÊ NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC TÀI SẢN CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 98 /2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: (đồng/m^2/tháng)

STT	Tên, địa điểm khu nhà	Vị trí	Giá thuê đã có thuế giá trị gia tăng (VAT)
1	Khu chung cư Gò Đàng (giai đoạn 2), phường Phú Khương	Tầng 1	36.000
		Tầng 2	34.000
		Tầng 3	32.000
		Tầng 4	31.000
		Tầng 5	29.000
2	Khu tạm cư Tân Thành, phường Phú Tân	Tầng 1	23.000
		Tầng 2	22.000
		Tầng 3	21.000
3	Nhà ở tạm cư trong Khu nhà ở công nhân và tái định cư phục vụ khu công nghiệp Giao Long, xã Giao Long	Nhà 01 tầng	26.000
4	Chung cư lô 4, đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu	Tầng 1	32.000
		Tầng 2	30.000
		Tầng 3	27.000
		Tầng 4	24.000
5	Chung cư lô 5 đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu	Tầng 1	13.000
		Tầng 2	12.000
		Tầng 3	11.000
		Tầng 4	9.000
6	Chung cư lô 7 đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu	Tầng 1	11.000
		Tầng 2	10.000
		Tầng 3	9.000
		Tầng 4	8.000
7	Chung cư của Dự án nhà ở xã hội, khóm 2, phường Tân Hạnh	Tầng 2	30.000
		Tầng 3	29.000
		Tầng 4	28.000
		Tầng 5	27.000
8	Khu chung cư 4 tầng, khóm 5, phường Tân Hạnh	Tầng 1	27.000
		Tầng 2	25.000
		Tầng 3	22.000
		Tầng 4	20.000

Phụ lục II

GIÁ THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC TÀI SẢN CÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 98 /2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: (đồng/m^2)

STT	Tên, địa điểm khu nhà	Vị trí	Giá thuê mua đã có thuế giá trị gia tăng (VAT)
1	Chung cư lô 4, đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu	Tầng 1	10.320.000
		Tầng 2	9.360.000
		Tầng 3	8.400.000
		Tầng 4	7.680.000
2	Chung cư lô 5 đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu	Tầng 1	3.420.000
		Tầng 2	3.240.000
		Tầng 3	2.880.000
		Tầng 4	2.520.000
3	Chung cư lô 7 đường Phạm Thái Bường, phường Phước Hậu	Tầng 1	2.700.000
		Tầng 2	2.520.000
		Tầng 3	2.160.000
		Tầng 4	1.980.000
4	Chung cư của Dự án nhà ở xã hội, khóm 2, phường Tân Hạnh	Tầng 2	12.000.000
		Tầng 3	11.040.000
		Tầng 4	10.800.000
		Tầng 5	10.560.000
5	Khu chung cư 4 tầng, khóm 5, phường Tân Hạnh	Tầng 1	7.680.000
		Tầng 2	6.960.000
		Tầng 3	6.480.000
		Tầng 4	5.760.000